TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2017/DS-PT
Ngày: 25-12-2017
V/v tranh chấp: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán : Ông Ngô Dũng

: Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thanh Hằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Trần Ngọc Bình - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 183/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DSST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ Tín dụng nhân dân V.

Địa chỉ: Số 145, ấp T, xã V, huyện S, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho nguyên đơn: Ông Phạm Võ L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: + Ông Nguyễn Anh T, sinh 1969 – Kiểm Soát viên (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2016)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện S, tỉnh An Giang.

+ Ông Hứa Hoàng C, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 16 D, đường T, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017).

- *Bị đơn:* 1. Bà Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1967.

2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 207, tổ 7, ấp P, xã P , huyện S, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 318, tổ 8, ấp P1, xã P, huyện S, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

* Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân V (do ông Nguyễn Anh T và ông Hứa Hoàng C – đại diện) trình bày:

Năm 2011, Quỹ tín dụng nhân dân V có ký kết các Hợp đồng tín dụng: Số 428/2011/HĐTD, ngày 20/04/2011; số 428/2011/HDT (bổ sung), ngày 05/10/2011; số 429/201/HDT, ngày 21/04/2011. Đồng thời, ký các Hợp đồng thế chấp tài sản: Số 428/2011 và số 429/2011 để vay số tiền vốn là 990.000.000 đồng. Trong quá trình vay, không trả vốn, lãi.

Đến ngày 22/10/2012, phía Quỹ tín dụng có đơn yêu cầu tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, được UBND xã P mời hòa giải ghi nhận thỏa thuận tự nguyện của ông Huỳnh Ngọc B tự nguyện trả thay cho vợ chồng ông S, bà N số tiền vốn, lãi tổng cộng là 1.240.419.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng, chia ra 03 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả số tiền là 413.473.000 đồng. Bắt đầu trả từ tháng 02/2013 và kết thúc vào tháng 10/2013 (bút lục 43); sau khi ông B trả đủ vốn và lãi, Quỹ tín dụng sẽ trả tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông S, bà N cho ông B. Nhưng ông B trả không trả đúng kỳ hẹn trong Biên bản thỏa thuận. Đến 23/10/2013, ông B chỉ trả được 520.000.000đ. Từ 19/11/2013- 31/12/2014, ông B trả thêm 5 lần được 570.000.000đ. Đến ngày 04/4/2015, ông B mới trả hết số tiền theo Biên bản thỏa thuận ngày 22/10/2012. Do ông B không trả nợ trong hạn thỏa thuận, nên Quỹ Tín dụng nhân dân V tiếp tục tính lãi đối với số tiền còn lại, có xem xét ông B là người cam kết trả nợ thay cho ông S, bà N, nên Quỹ tín dụng tính theo lãi suất ưu đãi là 0,75%/năm, tiền lãi phải trả thêm là 111.644.000 đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân V yêu cầu vợ chồng ông S, bà N và ông B cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi là 111.644.000 đồng, khi trả xong phía Quỹ tín dụng sẽ trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ký hợp đồng thế chấp nêu trên.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị Thúy N trình bày:

Do cần vốn làm ăn, ngày 21/4/2011, ông, bà đến Quỹ tín dụng nhân dân V thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay số tiền 990.000.000đ. Các Hợp đồng ông bà giữ chỉ có chữ ký của ông, bà mà không có chữ ký của Giám đốc Quỹ Tín dụng nhân dân V.

Ông, bà cư ngụ ấp P, xã P, huyện S, nhưng trong Hợp đồng tín dụng ghi cư trú tại ấp Tân Mỹ, xã Mỹ Phú Đông, để đủ điều kiện cho vay.

Sau khi vay, do làm ăn thua lỗ, nên ông, bà không trả vốn và lãi mà đi nơi khác làm ăn một thời gian.

Ngày 22/10/2012, UBND xã P có mời ông B đến vận động trả số tiền vốn, lãi do ông, bà vay là 1.240.419.000 đồng, với 03 kỳ hạn trong 01 năm, không tính lãi nữa. Việc thỏa thuận này không có sự đồng ý của ông, bà.

Hiện tại, ông B đã trả xong số tiền nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân V, nhưng phía Quỹ tín dụng lại không chịu trả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp mà yêu cầu phải trả thêm tiền lãi.

Nay, ông, bà không đồng ý Biên bản thỏa thuận ngày 22/10/2012 tại UBND xã P với các lý do: Ông S, bà N là người trực tiếp vay nợ với Quỹ tín dụng, nhưng lại không được mời thỏa thuận mà chỉ mời ông B để tự làm biên bản thỏa thuận. Tài sản do ông, bà thế chấp tại Quỹ tín dụng thì khi trả xong tiền, Quỹ Tín dụng phải trả tài sản cho ông, bà; không được trả cho ông B;

Chỉ đồng ý trả vốn 990.000.000đ, không đồng ý trả lãi vì Hợp đồng chưa phát sinh hiệu lực, do Giám đốc chưa ký tên, cho vay sai địa bàn hoạt động.

Yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân V phải trả cho ông S, bà N 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Ngọc B trình bày:

Ông là anh ruột bà N. Trong tất cả các hợp đồng vay nêu trên, ông B không có liên quan.

Ngày 22/10/2012, được UBND xã P mời đến do có đơn yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân V, do muốn giữ đất lại để làm nơi thờ cúng ông, bà và phía Quỹ Tín dụng có các phiếu chi tiền có chữ ký của N và S, nên ông tự nguyện đứng ra thỏa thuận trả thay cho vợ chồng ông S, bà N số tiền 1.240.419.000 đồng (gồm số tiền vốn và lãi), với điều kiện khi trả xong tiền, Quỹ tín dụng phải trả cho ông các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S và bà N đã thế chấp.

Ông đã trả 1.240.419.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân V, có yêu cầu nhận lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông S, bà N đã thế chấp, nhưng Quỹ tín dụng không trả Giấy mà tính thêm tiền lãi. Ông không đồng ý trả thêm lãi.

Nay, ông yêu cầu xem xét lại tính pháp lý của các hợp đồng tín dụng nêu trên theo quy định của pháp luật; hợp đồng không có Giám đốc Quỹ tín dụng ký tên người cho vay; cho vay sai địa bàn được cấp phép hoạt động. Hợp đồng vô hiệu do giả tạo thì ông chỉ đồng ý trả thay cho N, S tiền vốn 990.000.000đ. Số tiền lãi 250.419.000 ông đã trả, yêu cầu được nhận lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DSST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện S đã xử:

" Áp dụng Điều 90 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 124, Điều 131, Điều 407, Điều 463, và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14).*

- Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng V buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Ngọc B cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi là 111.644.000 đồng (một trăm mười một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Tuyên bố các hợp đồng tín dụng số số 428, ngày 20/04/2011, hợp đồng tín dụng số 428/2011 (bổ sung), ngày 05/10/2011 và hợp đồng tín dụng số 429/2011, ngày 21/04/2011 là vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Ngọc B buộc Quỹ tín dụng V trả lại số tiền là 250.419.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười chín ngàn đồng).

Quỹ tín dụng V có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị Thúy N các tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp (theo các hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng số 428/2011, hợp đồng thế chấp QSD đất số 429/2011 đều có nội dung là thế chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp (được UBND xã P chứng thực vào ngày 20/4/2011) đã được ký kết."

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2017, Quỹ tín dụng nhân dân V kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DSST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét lại các Hợp đồng tín dụng số: 428, 428bs và 429 không vô hiệu, xem xét lại tính tự nguyện của ông Huỳnh Ngọc B khi thỏa thuận trả tiền thay ông S, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

+ Giữa Quỹ tín dụng nhân dân V và ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị Thúy N, ông Huỳnh Ngọc B thỏa thuận: Quỹ tín dụng nhân dân V rút yêu cầu khởi kiện đối với ông B, ông S và bà N; Quỹ tín dụng nhân dân V hoàn trả cho ông B 50.000.000đ tiền lãi đã trả; trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp cho ông S, bà N; Quỹ tín dụng nhân dân V chịu 50% án phí sơ thẩm đối với số tiền 200.419.000đ (số tiền ông B có thay đổi yêu cầu).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu

+ Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân V là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân V kháng cáo trong thời gian luật định nên được chấp nhận, xem xét giải quyết.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm:

[4]. Xem xét lại các Hợp đồng tín dụng số: 428, 428bs và 429 không vô hiệu, xem xét lại tính tự nguyện của ông Huỳnh Ngọc B khi thỏa thuận trả tiền thay.

[5]. Đối với yêu cầu kháng cáo Quỹ tín dụng nhân dân V, Hội đồng xét xử xét thấy.

[6]. Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, tại Điều 9 của Hợp đồng có nêu hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ký hợp đồng. Tuy nhiên, các Hợp đồng đang tranh chấp, do người vay tiền giữ không có chữ ký của Giám đốc Quỹ tín dụng, nên không phát sinh hiệu lực của hợp đồng;

[7]. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 428/2011 ngày 20/4/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 429/2011 ngày 21/4/2011 đăng ký thế chấp tại Ủy ban nhân dân xã P là không đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai 2003 là phải đăng ký tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện S.

[8]. Mặt khác, S và bà N có nơi cư trú xã P, huyện S không thuộc đại bàn hoạt động, nhưng Quỹ tín dụng nhân dân V cho ông S, bà N vay tiền là vi phạm quy định tại Điều 6 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Tín dụng nhân dân V.

[9]. Trong việc thực hiện hợp đồng vay, ông S, bà N cũng có lỗi, sau khi vay không trả vốn và lãi lại bỏ địa phương đi không thông báo địa chỉ mới cho Quỹ tín dụng nhân dân V biết để liên hệ khi cần thiết. Cụ thể là ông B là anh của bà N cũng không biết thông tin của ông S, bà N ở đâu để liên hệ khi Quỹ tín dụng nhân dân V thỏa thuận với ông về việc thu hồi nợ.

[10]. Đối bới Biên bản về việc hòa giải tranh chấp dân sự ngày 22/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P (Bút lục 46), do Quỹ tín dụng nhân dân V và ông Huỳnh Ngọc B thỏa thuận có nội dung: Ông B thay ông S, bà N trả vốn và lãi cho Quỹ tín dụng

1.240.419.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng; Quỹ tín dụng trả cho ông B các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S, bà N thế chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận này là trái pháp luật về nội dung, vì các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S, bà N đứng tên và thế chấp cho Quỹ Tín dụng thì Quỹ tín dụng không có quyền thỏa thuận trả cho người khác khi chưa có sự đồng ý của ông S, bà N.

[11]. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, giữa Quỹ tín dụng nhân dân V và ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị Thúy N, ông Huỳnh Ngọc B thỏa thuận: Quỹ tín dụng nhân dân V rút yêu cầu khởi kiện đối với ông B, ông S và bà N; Quỹ tín dụng nhân dân V hoàn trả cho ông B 50.000.000đ tiền lãi; trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp cho ông S, bà N; Quỹ tín dụng nhân dân V chịu 50% án phí sơ thẩm đối với số tiền 200.419.000đ (số tiền ông B có thay đổi yêu cầu). Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị công nhận sự thỏa thuận này. Nhận thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này, sửa án sơ thẩm.

[12]. Bản án sơ thẩm tuyên Quỹ Tín dụng nhân dân V trả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà N theo các hợp đồng thế chấp tài sản, mà không nêu cụ thể số, ngày, cơ quan cấp giấy… là tuyên án không rõ ràng. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong trường hợp này.

[13]. - Về án phí:

[14]. + Quỹ tín dụng nhân dân V phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; 13.092.000đ án phí dân sự sơ thẩm [(5%/ 261.853.000đ (100.209.000đ (50% của 200.419.000đ, ông B thay đổi yêu cầu) + 111.644.000đ (số tiền rút yêu cầu khởi kiện) + 50.000.000đ (số tiền phải trả cho ông B)], được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[15]. + Ông Huỳnh Ngọc B phải chịu 5.010.000đ án phí dân sự sơ thẩm (5%/100.209.000đ), được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: + Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công nhận sự thỏa thuận của Quỹ tín dụng nhân dân V với bà Huỳnh Thị Thúy N, ông Nguyễn Thanh S và ông Huỳnh Ngọc B, sửa án sơ thẩm như sau:

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện 111.644.000 đồng (Một trăm mười một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) của Quỹ tín dụng nhân dân V đối với ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Ngọc B

+ Quỹ tín dụng nhân dân V có trách nhiệm hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc B số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

+ Quỹ tín dụng nhân dân V có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh S, bà Huỳnh Thị Thúy N các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. Số phát hành R249461, số vào sổ 00573QSDĐ/gH ngày 12/6/2000 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho bà Huỳnh Thị Thúy N;

2. Số phát hành AĐ 550957, số vào sổ H00489 QSDĐ/gH ngày 01/11/2005 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho bà Huỳnh Thị Thúy N và Nguyễn Thanh S;

3. Số phát hành A555273, số vào sổ 01848QSDĐ/gH ngày 30/9 /1992 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho bà Huỳnh Thị Thúy N;

4. Số phát hành O 275938, số vào sổ 01886QSDĐ/gH ngày 14/5/1999 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông Nguyễn Thanh S.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Quỹ Tín dụng nhân dân V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp thheo Biên lai thu số 0003373 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

. Ông B phải chịu 5.010.000đ (Năm triệu không trăm mười ngàn đồng) được khấu trừ 6.260.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2015/0003295, ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ, ông B còn được nhận lại 1.250.000 đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

. Quỹ Tín dụng nhân dân V phải chịu 13.092.000đ (Mười ba triệu lẻ chín mươi hai ngàn đồng) được khấu trừ 2.791.000đ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2015/0002828, ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Sau khi khấu trừ, Quỹ tín dụng V còn lại phải nộp 10.301.000đ (Mười triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**